TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 301/2018/DS-PT
Ngày: 12- 9-2018
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Hiếu**

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Kim Em**

Bà **Trần Thị Thu Hằng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Huỳnh Văn Hoàng** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2018/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 217/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*:

1/ **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1972 (vắng mặt);

2/ **Đồng Văn B**, sinh năm 1970 (vắng. mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp An T, xã An C, huyện Cái B, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Nguyễn Thị T2 (SN 1972), anh Đồng Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Vào ngày 13/7/2014 âm lịch, bà có cho vợ chồng chị Nguyễn Thị T2 và anh Đồng Văn B vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là khi nào cần thì bà lấy lại, lãi suất thỏa thuận là 5.000.000 đồng/tháng, chị T2 và anh B đóng lãi được đến ngày 12/5/2017 âm lịch thì ngưng, mục đích vay là cần vốn để kinh doanh lúa gạo, hiện còn nợ vốn vay 200.000.000 đồng có lập biên nhận làm tin. Nay bà yêu cầu chị T2 và anh B cùng liên đới chịu trách nhiệm trả một lần số tiền vay còn thiếu 200.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không cần tính lãi phát sinh từ ngày 12/5/2017 âm lịch đến ngày xét xử.

Đối với số tiền hụi: Ngày 12/4/2017 âm lịch, chị T2 có tham gia dây hụi do bà làm đầu thảo, dây hụi có 20 phần, mỗi phần 20.000.000 đồng, một tháng mở hụi 1 kỳ, chị T2 tham gia 01 phần, hụi mãn vào ngày 12/10/2018 âm lịch. Tại kỳ hụi đầu, chị T2 trúng thăm hốt hụi số tiền 313.500.000 đồng, sau khi hốt hụi chị T2 có đóng hụi chết 05 kỳ thì ngưng, còn nợ lại 14 kỳ hụi chết trong đó 08 kỳ hụi chết đã đến hạn số tiền là 160.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu chị T2 phải có trách nhiệm trả một lần 08 kỳ hụi chết đã đến hạn số tiền 160.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật, đối với các phần hụi chưa đến hạn thì bà không yêu cầu.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T2 trình bày: Chị thừa nhận vào thời điểm ngày 13/7/2014 âm lịch vợ chồng chị có vay số tiền 200.000.000 đồng từ bà T1, có lập biên nhận cho bà T1 làm tin. Và ngày 12/7/2014 âm lịch thì bản thân chị có tham gia chơi hụi do bà T1 làm đầu thảo, chị khẳng định đã hốt hụi vào kỳ hụi thứ nhất với số tiền 313.500.000 đồng, sau khi trừ đi 8.000.000 đồng tiền hoa hồng cho đầu thảo thì còn lại 305.500.000 đồng và thỏa thuận lấy số tiền hốt hụi trả cho bà T1 phần tiền mà vợ chồng chị vay nên xem như xong. Sau khi hốt hụi chị đóng cho bà T1 được 5 kỳ thì ngưng. Nay chị đồng ý trả số tiền vốn vay 200.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền hụi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 95/2018/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 228, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1.

Buộc bị đơn anh Đồng Văn B, chị Nguyễn Thị T2 cùng liên đới trả số tiền vốn vay 200.000.000 đồng cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1.

Buộc chị Nguyễn Thị T2 chịu trách nhiệm trả số tiền hụi đến hạn tổng cộng 160.000.000 đồng cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 25/6/2018, bị đơn chị Nguyễn Thị T2 và anh Đồng Văn B có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang sửa bản án sơ thẩm số 95/2018/DS-ST ngày 11/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1 buộc chị và chồng chị (anh Đồng Văn B) liên đới trả cho bà T1 số tiền vay 200.000.000 đồng.

- Chị chấp nhận trả 08 kỳ hụi chết số tiền là 160.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị T1 một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn chị Nguyễn Thị T2 và anh Đồng Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 không đồng ý yêu cầu kháng cáo của chị T2 và anh B.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng qui định của pháp luật. Về nội dung yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị T2 và anh Đồng Văn B là không có cơ sở vì không cung cấp được chứng cứ mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T2 và anh B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị T2 và anh Đồng Văn B, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là Hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản là có căn cứ. Bị đơn chị Nguyễn Thị T2 (SN 1972) và anh Đồng Văn B là người kháng cáo có đơn xin xét xử

vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T2 (SN 1972) và anh B.

[2] Về nội dung: Vào ngày 13/7/2014 âm lịch vợ chồng chị Nguyễn Thị T2 (SN 1972) anh Đồng Văn B có vay của bà Nguyễn Thị T1 (SN 1969) số tiền 200.000 đồng (có làm biên nhận nợ) khi nào cần bà T1 sẽ lấy lại số tiền cho vay (BL 01).

Ngoài ra vào ngày 12/4/2017 âm lịch chị Nguyễn Thị T2 có tham gia một phần dây hụi do bà T1 làm chủ thảo, dây hụi có 20 phần, mỗi phần 20.000.000 đồng, một tháng khui một kỳ, hụi mãn vào ngày 12/10/2018. Chị T2 hốt hụi kỳ khui hụi đầu số tiền 313.500.000 đồng. Sau khi hốt hụi chị T2 có đóng hụi chết cho bà T1 được 05 kỳ thì ngưng, còn nợ lại 14 kỳ hụi chết trong đó có 08 kỳ hụi chết đã đến hạn số tiền 160.000.000 đồng. Bà T1 yêu cầu chị T2 và anh B phải trả cho bà 200.000.000 đồng tiền vay, yêu cầu chị T2 phải trả cho bà 160.000.000 đồng tiền hụi.

Chị T2 thừa nhận chị và anh B có vay tiền của bà T1 số tiền 200.000.000 đồng để kinh doanh lúa gạo. Chị có tham gia dây hụi do bà T1 làm chủ thảo, chị hốt hụi ở lần khui hụi đầu tiên số tiền 313.500.000 đồng, nhưng bà T1 không giao tiền hốt hụi cho chị mà bà T1 trừ vào số tiền chị vay 200.000.000 đồng nên chị không đồng ý trả lại cho bà T1 200.000.000 tiền vay. Chị chỉ đồng ý trả cho bà T1 160.000.000 đồng tiền nợ hụi.

Anh Đồng Văn B không có văn bản nêu ý kiến, anh B có đơn xin vắng mặt trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án.

[3] Xét hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị T1 (SN 1969) với chị Nguyễn Thị T2 (SN 1972) và anh Đồng Văn B, chị T2 và anh B còn nợ bà T1 số tiền vốn vay 200.000.000 đồng, chị T2 cho rằng khi hốt dây hụi khui ngày 12/7/2014 âm lịch chị đã trả xong cho bà T1, nhưng không được bà T1 thừa nhận, chị T2 cũng không có chứng cứ chứng minh nên lời khai của chị T2 không có cơ sở để chấp nhận. Đối với hợp đồng góp hụi giữa bà T1 và chị T2 hai bên đương sự khai thống nhất chị T2 còn nợ bà T1 160.000.000 đồng tiền hụi chết, chị T2 đồng ý trả cho bà T1.

[4] Án sơ thẩm xét xử buộc chị T2 và anh B phải trả cho bà T1 200.000.000 đồng tiền vốn vay, chị T2 phải trả cho bà T1 160.000.000 đồng tiền hụi là có căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự và Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

[5] Chị T2 và anh B kháng cáo cho rằng đã trả xong số tiền vay 200.000.000 đồng cho bà T1 nhưng không được bà T1 thừa nhận, chị T2 và anh B cũng không cung cấp được chứng cứ mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T2 và anh B.

[6] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên được chấp nhận.

Chị Nguyễn Thị T2 và anh Đồng Văn B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Không nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị T2 và anh Đồng Văn B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 95/2018/DS-ST ngày 11/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1.

Buộc bị đơn anh Đồng Văn B và chị Nguyễn Thị T2 liên đới trả số tiền vốn vay 200.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị T1.

Buộc chị Nguyễn Thị T2 chịu trách nhiệm trả số tiền hụi đến hạn tổng cộng 160.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị T1.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị T2 và anh Đồng Văn B chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị T2 và anh Đồng Văn B phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (đối với tiền vay), chị T2 phải chịu 8.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (đối với tiền hụi). Anh B và chị T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 08924 ngày 26/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xem như đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Hoàn lại bà Nguyễn Thị T1 11.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 08436 ngày 03/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Hiếu